

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: B/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TTC2+TTC1	7:25	13+4+5	0+0+0		12+3+5	0+0+0	CHUYEN 1 P8-TTC2
2		P6+P5	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
3	420	BK19+BK21+P8	7:25	6+4+12	0+0+0		3+4+9	0+0+0	M bay hàng
4		VSP01+BK5+PPD	9:25	22+0+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	CHUYEN 1 BK5-PPD
5		AMD+VSP01	9:25	14+8	0+0		2+20	0+0	
6		P6+P1+TD1	9:25	16+4+0	0+0+0		14+0+7	0+0+0	
7		T.UNG	11:10	18	0		19	0	
8		P4+TTC2+TGT4	11:25	15+3+4	0+0+0		7+6+4	0+0+0	
9		AMD+TGT45	11:25	20+2	0+0		12+3	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	TO: P8 - TTC2 - TTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

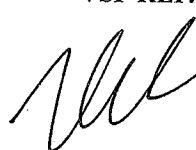
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	31	1	5	80	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN NHAN	P8	29	1	6		72	YTE	Vietnamese
3	HUYNH CHANH PHAT	P8	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET KHA	P8	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA DAT	P8	40-41	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CHAU NAM	P8	36	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TRUNG HAU	P8	28	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN HAI	P8	37	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG THANH TRUNG	P8	35	1	10	7	80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH TRI	P8	33-34	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG HIEN	P8					78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU DUNG	P8	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN BAC	P8	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAO TRUNG KIEN	TTC2				20	66	KH-THAC	Vietnamese
15	KRAMARENKO	TTC2					74	KH-THAC	Russian
16	CHU MINH HUNG	TTC2	22	1	2		84	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG QUOC BAO	TTC2					62	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN TOAN	TTC1	77	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HUNG TUAN	TTC1	78	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TRUNG THUY	TTC1	75	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG LONG HAI	TTC1	76	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TRUNG ĐUC	TTC1	14	1	6		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	14	79	924	87	12		CHUYEN 1 PAX P8-TTC2
2	TTC2	4	1	2	286	20	3		
3	TTC1	5	5	21	376	0	5		
TOTAL		22	20	102	1.586	107	20		
WEIGHT KG				102	1.586	107			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

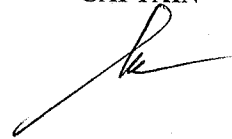
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6 - P5	CREW: VThắng - HTrung - QTrưởng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	P6	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH LE	P6	84-85	2	10		64	YTE	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	P6	85	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHU	P6	78-79	2	5		81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DOA	P6	86	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HUNG	P6	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH SY	P6	88-89	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DINH HOAI NAM	P6	75	1	5	40	85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN	P6	82	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO MINH HOANG	P6	80	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MANH THANG	P6	84	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI MANH KHANH CUONG	P6	80-81	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM VAN KHUONG	P6	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO VAN SANG	P6	86-87	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC AN	P6	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG BACH	P6	82	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THIN	P6	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN TAM	P5	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HA VAN CANH	P5	47-48	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA THUAN	P5	49-50	2	19	20	70	CODIEN	Vietnamese
21	PHAM VAN MANH	P5	53	1	15		78	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN NAM HOANG	P5	51-52	2	19		56	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	17	22	129	1.189	80	15		
2	P5	5	8	70	327	20	7		
TOTAL		22	30	199	1.516	100	22		
WEIGHT KG				199	1.516	100			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2023	TO: BK19 - BK21 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.Đức - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VĂN KHA KHA	BK19	44	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUÂN	BK19	45	1	15	14	74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG SỰ	BK19	46-47	2	17		73	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM THANH DUY	BK19	43	1	9		81	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM HUY ĐÌNH	BK19	48-49	2	18		61	T-TIN	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC TUÂN	BK19	50	1	8		66	PSV	Vietnamese
7	BẠCH ANH TUÂN	BK21	53,19	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRỌNG PHÚC	BK21	21-22	2	17	20	74	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC DŨNG	BK21	52	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	20	1	10		80	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	12-13	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	09	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	30	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ CHÈ LINH	P8	14	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TRUNG	P8	03	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	11	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH VINH	P8	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TÂN	P8	04	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	07	1	17		78	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ DUY	P8	05	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH QUANG	P8	06	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	6	8	72	439	14	3		
2	BK21	4	6	42	310	20	4		
3	P8	12	13	81	838	0	9		
TOTAL		22	27	195	1.587	34	16		
WEIGHT KG				195	1.587	34			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	TO: VSP01 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

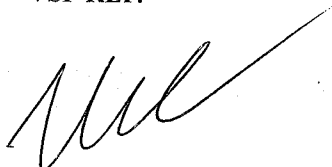
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV	VSP01	06	1	14		113	KH-THAC	Russian
2	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	12	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	22-23	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	17	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	09	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	10	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THỊ CHINH	VSP01	02	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	12	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	03	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN LƯU	VSP01	04	1	7		63	YTE	Vietnamese
15	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	19	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN DUY BÌNH	VSP01	21	1	3		93	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	14-15	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	11	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	18	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BÀ NGỌC	VSP01	05	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

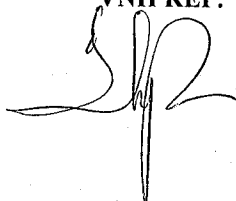
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	22	150	1.532	0	12		CHUYEN 1 PAX BK5-PPD
2	BK5	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	0	0	0	0	32	10		
TOTAL		21	22	150	1.532	32	22		
WEIGHT KG				150	1.532	32			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: AMD - VSP01	CREW: Linh - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH LAC	AMD	60	1	13	55	55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN SY LUC	AMD	61-62	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN TIEN DUNG	AMD	63-64	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN NIN	AMD	58-59	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN TRONG	AMD	55-56	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN AN	AMD	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN AN	AMD	48	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH KHA	AMD	52	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TAN	AMD	49	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC THU	AMD	54	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DUC TAM	AMD	47	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DINH HIEU	AMD	53	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	AMD	50	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG XUAN HAI	AMD	51	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH THANG	VSP01	28	1	5	30	64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					79	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH VAN THON	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THE CUONG	VSP01	27	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN SY HIEU	VSP01	29	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG DUC	VSP01	25-26	2	13		74	ANTOAN	Vietnamese
21	VU VAN DIEP	VSP01	24	1	6		68	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TE	VSP01	30	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	18	135	948	55	2		
2	VSP01	8	7	40	582	30	20		
TOTAL		22	25	175	1.530	85	22		
WEIGHT KG				175	1.530	85			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	TO: P6 - P1 - TD1	CREW: HUNG - M.Đức - Tú	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHÁC HỒNG	P6	83	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THANH ĐỖ	P6	81-82	2	15		52	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THÔNG	P6	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG HÙNG	P6	98-99	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUỐC	P6	87-88	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	VU VAN KHA	P6	80	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG DUY TAI	P6	77	1	13	18	68	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HOANG SON	P6	89	1	16		76	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MINH THÔNG	P6	90-91	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VINH AN	P6	92-93	2	13	14	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P6	496-497	2	19		68	PSV	Vietnamese
13	VU VAN PHUC	P6	96-97	2	7		55	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN TRỌNG	P6	94	1	4		102	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KIẾN	P6	95	1	6		62	PSV	Vietnamese
16	HỒ QUỐC VŨ	P6	93	1	6		70	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THANH LONG	P1	800,45	2	11		56	GPWS	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI KHAI	P1	46-47	2	18		88	GPWS	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN MINH	P1	48	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG QUY	P1	49-50	2	12		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	16	23	170	1.106	32	14		
2	P1	4	7	50	295	0	0		
3	TD1	0	0	0	0	16	7		
TOTAL		20	30	220	1.401	48	21		
WEIGHT KG				220	1.401	48			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: MTiến - VUÔNG	ETA: 14:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG TUYỀN	T.UNG	95	1	9	18	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ QUYỀN	T.UNG	38	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	34	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	37	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	92	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	96	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG HOÀNG ANH	T.UNG	89	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	93	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	90	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	97	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	94	1	3		60	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN HIỀN	T.UNG	36	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	99	1	3		65	PSV	Vietnamese
17	HÀ ĐỨC THANH	T.UNG	91	1	8		63	PSV	Vietnamese
18	PHẠM MINH TÂM	T.UNG	35	1	9		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	16	101	1.232	18	19		
TOTAL		18	16	101	1.232	18	19		
WEIGHT KG				101	1.232	18			

GRAND TOAL: 1.351 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2023	TO: P4 - TTC2 - TGTH4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

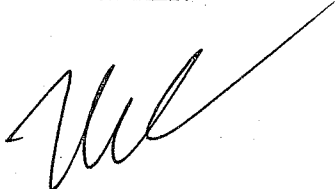
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC QUYẾT	P4	50	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
2	HUYNH ĐỨC TÂM	P4	99	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI TRỌNG HỘI	P4	95	1	19		63	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN VIỆT	P4	01	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	94	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG HOAN	P4	17-18	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI TRUNG DƯƠNG	P4	23	1	10	60	66	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TUẤN	P4	21-22	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P4	96-97	2	16	30	65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM TUẤN KHANH	P4	83	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN MAI	P4	97-98	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P4	19-20	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
13	HO NGUYỄN HAU	P4	01,84	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỮU CƯỜNG	P4	898-899	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN BA LƯU	P4	55,81	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2					70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	25	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	24	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG MINH HAI	TGTH4	20	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH DANH	TGTH4	99,500	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH4	21-22	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	23-24	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

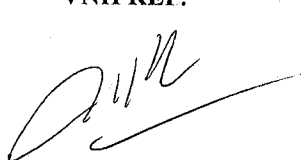
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	23	214	987	90	7		
2	TTC2	3	2	13	200	0	6		
3	TGTH4	4	7	43	277	0	4		
TOTAL		22	32	270	1.464	90	17		
WEIGHT KG				270	1.464	90			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

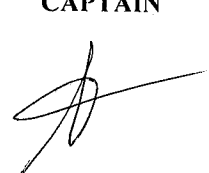
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2023	TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Toan	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH PHUC AM	AMD	83	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO QUY HỘI	AMD	73-74	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG TRỌNG DUNG	AMD	89-90	2	10		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TRƯỜNG	AMD	70-71	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI MẠNH HÀ	AMD	91-92	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TAN	AMD	86	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG HO NGHIA	AMD	93	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	94	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	96-97	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI VAN MANH	AMD	84-85	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TUAN VU	AMD	76	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN TOAN	AMD	75	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TINH	AMD	87-88	2	17		77	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ VIỆT LONG	AMD	72	1	7		61	CODIEN	Vietnamese
15	PHUNG BA ĐỀ	AMD	78-79	2	10		73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH THAI	AMD	68-69	2	17	10	73	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ TRI HAI	AMD	95	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH HUNG	AMD	81	1	8	17	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THUY	AMD	80	1	18	10	72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TRUNG	AMD	77	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	76-77	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	75	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	29	227	1.418	37	14		
2	TGTH5	2	3	18	150	0	3		
TOTAL		22	32	245	1.568	37	17		
WEIGHT KG				245	1.568	37			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	9:25	8	0		10	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: NKhánh - Trình	ETA: 12:40
VANG			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STAZHINSKYI E.	T.UNG	69	1	5		110	D-HANH	Russian
2	DERIUZHENKO A.	T.UNG	66	1	5		78	D-HANH	Russian
3	BUI MINH TU	T.UNG	70	1	4		63	D-HANH	Vietnamese
4	SHEVCHENKO	T.UNG	41	1	5		70	D-HANH	Russian
5	NGO THE QUYNH	T.UNG	74	1	4		71	D-HANH	Vietnamese
6	STAROVOITOVA	T.UNG	65	1	10	10	75	D-HANH	Russian
7	PHAM QUYNH NGA	T.UNG	72-73	2	8		61	D-HANH	Vietnamese
8	PHAN HUU THAI	T.UNG	71	1	5		66	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	8	9	46	594	10	10		
TOTAL		8	9	46	594	10	10		
WEIGHT KG				46	594	10			

GRAND TOAL: 650 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

1800 charts